

Số: /QĐ-SYT Đăk Lăk, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 50 năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **60** cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi **08** Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 50 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	H Mương Êban	24/02/1999	066199019088	19/07/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001508/ĐL-GPHN	19/11/2025	19/11/2030	Cấp mới
2	Ngô Thị Mỹ Hạnh	14/11/2000	066300015604	11/11/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001577/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
3	H Đào Mlô	13/07/1998	066198015617	08/05/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001578/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
4	Nguyễn Thị Nhung	05/06/1986	066186000545	11/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001579/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
5	Đoàn Thị Thìn	08/05/2000	066300003254	22/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001580/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
6	Lê Phạm Anh Trang	27/07/2000	066300002549	12/08/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001581/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
7	Ngô Doãn Minh	17/09/1999	034099011944	12/12/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001582/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
8	Trần Minh Tiền	12/12/1990	042090019409	11/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001583/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
9	Nguyễn Đình Hoàng Bảo	12/10/1998	046098005431	06/06/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001584/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
10	Lê Uyên Hồng	04/03/2003	054303003172	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001585/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
11	Rơ Chăm H' Miên	17/03/1998	064198009832	30/06/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001586/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
12	Lê Thị Kiều Oanh	20/02/1996	054196008173	11/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001587/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
13	Trình Thị Bửu	21/11/1994	066194005358	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001589/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp lại
14	Hoàng Tuyết Hoa	28/03/1999	068199014196	05/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001590/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
15	Lê Thị Hồng Nhút	20/08/2000	07230003647	04/08/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001591/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
16	Nguyễn Hạ Vy	01/07/2000	054300001670	11/06/2025	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001592/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
17	Đinh Thị Ngọc Ánh	10/04/1999	066199012531	18/06/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001593/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
18	Hà Quốc Cường	18/05/1992	066092011839	02/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001594/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
19	Trần Thanh Khoa	13/11/1999	066099005020	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001595/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
20	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	02/08/1999	066199007681	22/09/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001596/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
21	Nguyễn Thị Diễm	29/10/1989	066189019039	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001597/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
22	H Lỗnh Niê	22/05/1994	066194008346	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001598/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
23	Lê Văn Phục	12/11/1998	066098008483	26/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001599/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
24	Lương Thế Ân	06/01/2000	051200005552	03/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001600/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
25	Nguyễn Thị Thanh Hoa	10/05/2000	066300018267	08/05/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001601/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
26	Lê Văn Hoàn	18/02/1999	064099004860	12/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001602/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
27	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	06/06/1998	066198014673	21/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001603/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
28	Nguyễn Thúc Nguyên	24/08/1999	066099007427	28/01/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001604/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
29	Nguyễn Thị Tính	08/02/1993	054193003900	29/07/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001605/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
30	Phan Thị Thương	22/08/1987	066187006099	20/10/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001606/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
31	Trần Thị Minh Trang	04/03/1992	066192013789	06/06/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001607/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
32	Đặng Nữ Bảo Vi	12/07/2002	066302012268	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001608/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
33	Trương Văn Đức	22/10/1997	051097019274	03/06/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Ngoại khoa	001609/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
34	Nguyễn Thị Hồng	02/02/1986	040186006883	21/07/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	001610/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
35	Huỳnh Thị Ngọc Huệ	01/01/1976	052176011340	09/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001611/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
36	Nguyễn Thị Tâm	05/03/1992	066192017269	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001612/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
37	Võ Thị Thu Thủy	23/12/1993	048193006984	24/04/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001613/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
38	Ngô Đức Vĩnh Tường	28/10/1997	054197007036	10/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001614/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
39	Phạm Thị Hòa Bình	21/07/1989	066189017570	12/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001615/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp lại
40	Nguyễn Hồng Đức	03/09/1992	068092012505	09/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001616/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
41	Phạm Hoàng Hiệp	01/01/1998	066098001877	01/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001617/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
42	Huỳnh Hiếu Kiên	13/01/2000	066200012543	14/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001618/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
43	Nguyễn Thị Thủy Tiên	28/08/2000	067300004339	19/09/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001619/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
44	Hồ Thảo Trang	29/08/2000	066300002231	31/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001620/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
45	Nguyễn Thị Kim Yển	15/06/2000	066300017668	17/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001621/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
46	Trần Thị Mỹ Hân	30/10/1985	054185000255	19/09/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001622/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
47	Lê Thị Huỳnh Quyền	24/03/1984	054184000349	04/04/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001623/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
48	Nguyễn Văn Thân	20/11/1980	054080005360	19/04/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001624/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
49	Nguyễn Hữu Trí	20/07/1988	0540885985	17/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001625/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp lại
50	Lương Thị Ánh Kiều	25/03/1983	054183002390	22/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	001626/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
51	Lê Thị Thuý Dung	18/02/1989	054189000622	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Hộ sinh	001627/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp lại
52	Trần Thị Cẩm Lai	22/02/1985	054185008743	27/12/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Hộ sinh	001628/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp lại
53	Lê Hoàng Nguyên	12/02/2000	066200001966	29/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001629/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
54	Trịnh Nguyễn Phương Thanh	22/02/2000	056300002385	18/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001630/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
55	Huỳnh Văn Tường	13/02/1998	054098003255	18/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001631/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
56	Nguyễn Thị Cẩm Vy	04/04/2003	054303010307	23/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001632/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
57	Nguyễn Thị Bích Thùy	25/01/2000	054300003415	13/01/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001633/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
58	Trần Thị Kim Hoa	23/07/1998	054198008754	13/06/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001634/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
59	Nguyễn Thị Thanh Hòa	16/04/2002	054302007936	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001635/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới
60	Hoàng Thị Anh	21/06/2002	054302001497	12/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001636/ĐL-GPHN	05/12/2025	05/12/2030	Cấp mới

Danh sách bao gồm 60 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 50 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Trình Thị Bửu	21/11/1994	241336645	006859/ĐL- CCHN	17/10/2016	Điều dưỡng (Cao đẳng)	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2016	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Phạm Thị Hòa Bình	21/07/1989	241110236	001946/ĐL- CCHN	10/10/2013	Điều dưỡng	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Trần Thị Mỹ Hân	30/10/1985	221139535	0001104/PY-CCHN	10/07/2014	Y sĩ	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.; Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Lê Thị Huỳnh Quyên	24/03/1984	221125412	0001118/PY-CCHN	10/07/2014	Y sĩ	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.; Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Nguyễn Văn Thân	20/11/1980	221001506	0001100/PY-CCHN	10/07/2014	Y sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Nguyễn Hữu Trí	20/07/1988	221220955	002594/PY-CCHN	23/08/2017	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Lê Thị Thuỳ Dung	18/02/1989	221248771	0001065/PY-CCHN	10/07/2014	Hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Trần Thị Cẩm Lai	22/02/1985	221130085	0001070/PY-CCHN	10/07/2014	Hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 08 cá nhân./.